

GIẢI PHÁP THỨC ĐÀY LIÊN KẾT SẢN XUẤT, TIÊU THỤ SẢN PHẨM VÙNG CHUYÊN ĐỔI SẢN XUẤT LÚA-TÔM VEN BIỂN TÂY, ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Đoàn Đoãn Tuấn, Trần Việt Dũng
Trung tâm Tư vấn PIM

Tóm tắt: Tác động của hạn hán, xâm nhập mặn đang làm thay đổi tập quán canh tác người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nói chung và vùng ven biển Tây nói riêng. Tác động đã biến thách thức thành cơ hội trong sản xuất nông nghiệp của vùng, chuyển đổi sản xuất nông nghiệp từ canh tác 2 lúa kém hiệu quả sang canh tác tôm-lúa có hiệu quả kinh tế cao. Tôm nuôi trong ruộng lúa sử dụng chủ yếu thức ăn tự nhiên, chi phí thức ăn thấp, ít dịch bệnh, tôm nuôi thương phẩm có chất lượng, môi trường sinh thái được bảo vệ do lúa sử dụng các sản phẩm thải từ nuôi tôm. Tuy nhiên, phát triển hệ thống tôm-lúa đang đứng trước các thách thức, do hệ thống hạ tầng thủy lợi-giao thông chưa đáp ứng việc kiểm soát hạn-mặn và điều kiện để máy móc nông nghiệp hoạt động, liên kết sản xuất chưa đủ lớn để tạo thành vùng nguyên liệu lớn, doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm khó tiếp cận các nguồn tín dụng của Nhà nước để mở rộng quy mô và xây dựng mối liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chặt chẽ.

Để hỗ trợ sản xuất, tăng cường liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa nông hộ với nông hộ, giữa hộ sản xuất với doanh nghiệp, cần có chính sách khuyến khích việc hoàn thiện hệ thống giao thông nội đồng tạo điều kiện máy nông nghiệp hoạt động, đầu tư hạ tầng thủy lợi vừa đảm bảo chủ động cấp thoát nước phục vụ sản xuất tôm-lúa, đồng thời khuyến khích nông dân liên kết sản xuất trên quy mô lớn, song song với triển khai triền đề chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất để doanh nghiệp tiếp cận được nguồn vốn vay, vốn hỗ trợ, thực hiện được quy trình sản xuất do doanh nghiệp đề ra, ứng vật tư, phân bón, hỗ trợ cho bà con nông dân yên tâm sản xuất.

Từ khóa: Hạn mặn, Hạ tầng giao thông, thủy lợi nội đồng, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, mô hình sản xuất tôm-lúa, chính sách hỗ trợ

Summary: The impact of drought and saltwater intrusion has changed the farming practices of people in the Mekong River Delta (Mekong Delta) in general and the West Coastal region in particular. The impact has turned challenges into opportunities in the region's agricultural production, shifting agricultural production from inefficient 2-rice farming to highly economical shrimp-rice cultivation. Shrimp cultivated in rice fields use mainly natural food, require low feed costs, suffer less diseases, being high quality, and the ecological environment is protected because rice uses waste products from shrimp farming.

However, the development of the rice-shrimp system is facing challenges, due to the inadequate irrigation facilities to control drought and saltwater intrusion, poor road system to offer conditions for agricultural machines to operate; fragmented, small-scale agricultural production, lack of farmer cooperation to form a sufficient large production area, enterprises purchasing agricultural products difficult to access the State's support are constraints to formation of effective agricultural production linkages.

In order to support production, enhance production and product consumption linkages between farmers and farmers, between production households and enterprises, it is necessary to implement the completion of on-farm road system to create conditions for machines to work effectively, to invest in irrigation infrastructure ensuring proactive irrigation and drainage for shrimp-rice production, at the same time encourage farmers to cooperate in production on a large scale, in parallel with the thorough implementation of supportive policies, so that enterprises can access loans, support capital to ensure production linkage.

Keywords: West Coastal region of Mekong Delta, drought and saltwater intrusion, shrimp-rice cultivation, on-farm irrigation and road system, agricultural production and product consumption linkage, supporting policies

1. HẠN HÁN, XÂM NHẬP MẶN VÀ CHUYÊN ĐỔI SẢN XUẤT

Trong những năm gần đây, do tác động của

BĐKH, cùng với việc xây dựng hồ chứa, phát triển thủy điện ở thượng nguồn sông Mê Kông, hạn hán, xâm nhập mặn ở ĐBSCL có chiều hướng gia tăng. Mùa khô năm 2009-2010, diện tích lúa đông xuân bị ảnh hưởng mặn lên tới 620.000 ha chiếm 40% diện tích toàn vùng tập trung ở các tỉnh Kiên Giang,

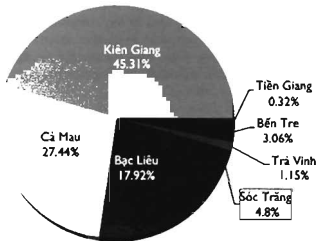
Ngày nhận bài: 12/9/2019

Ngày thông qua phản biện: 14/10/2019

Ngày duyệt đăng: 15/10/2019

Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau. Mùa khô năm 2013, khoảng 300.000ha bị ảnh hưởng bởi hạn, trong đó 100.000 ha bị tác động trực tiếp. Đặc biệt năm 2016, 11/13 tỉnh trong vùng công bố tình trạng thiên tai do hạn hán, xâm nhập mặn, trong đó có tỉnh Kiên Giang, phạm vi xâm nhập vào trong đất liền vùng biển Tây 60-65km, hạn - mặn đã ảnh hưởng đến 182.700 ha đất sản xuất, 194.000 hộ (900.000 người) (Báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về PCTT, 2016).

Thực hiện chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thích ứng với BĐKH, việc chuyển đổi sản xuất vùng ven biển Tây ĐBSCL đang diễn ra nhanh chóng. Đặc biệt từ sau khi Nghị quyết 09/2000/NĐ-CP ra đời, cho phép chuyển đổi diện tích đất kém hiệu quả (sản xuất lúa, sản xuất muối, vùng đầm lầy ven biển) sang nuôi trồng thủy sản. Một trong các xu hướng là chuyển đổi diện tích trồng 2 vụ lúa sang một vụ lúa và một vụ tôm. Nuôi tôm-lúa có tốc độ tăng trưởng nhanh, năm 2000 diện tích nuôi tôm-lúa là 71.000 ha, năm 2014 tổng diện tích nuôi tôm-lúa đã tăng gấp hơn hai lần, đạt 152.977 ha chiếm 27,98% tổng diện tích nuôi tôm nước lợ toàn vùng. Các tỉnh nuôi tôm-lúa có diện tích lớn là: Kiên Giang (71.500ha), Cà Mau (43.297ha), Bạc Liêu (28.285ha), Sóc Trăng (7.581ha), Bến Tre (4.833ha).



Hình 1: Diện tích tôm - lúa các tỉnh ĐBSCL

Mặc dù sản xuất đã có những chuyển biến tích

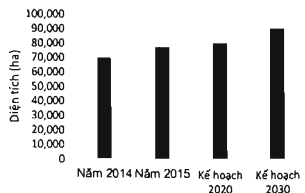
cực, nhưng với quy mô sản xuất hộ nhỏ lẻ, manh mún, chất lượng nông sản không đồng đều, giá thành cao, thiếu liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm, khó tiếp cận thị trường tiêu thụ đang là những trở ngại đối với sản xuất, đời sống nông dân trong vùng.

Trên cơ sở điều tra đánh giá thực trạng sản xuất hộ nông dân, việc liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa các hộ với nhau, giữa hộ sản xuất với doanh nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông-thủy lợi phục vụ sản xuất tôm-lúa tại hai huyện điển hình An Biên, An Minh tỉnh Kiên Giang, báo cáo phân tích khô khan, thuận lợi trong sản xuất tôm-lúa, đề xuất giải pháp thúc đẩy liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm vùng chuyển đổi sản xuất tôm-lúa vùng ven biển Tây, ĐBSCL.

2. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT TÔM-LÚA

2.1. Vùng nghiên cứu

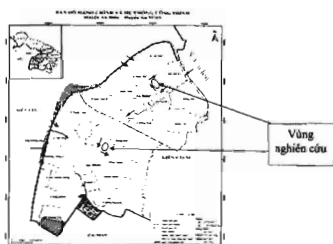
Kiên Giang bắt đầu nuôi tôm trong ruộng lúa năm 2002, hiện là tỉnh có diện tích nuôi tôm-lúa lớn nhất trong các tỉnh ĐBSCL. Các huyện mở rộng diện tích tôm-lúa của tỉnh là An Biên, An Minh, U Minh Thượng, Hòn Đất, Kiên Lương nơi hiện đang canh tác 2 vụ lúa, nhưng kém hiệu quả do xâm nhập mặn, chuyển sang 1 vụ tôm, 1 vụ lúa



Hình 2: Diện tích tôm-lúa tỉnh Kiên Giang

Vùng nghiên cứu thuộc địa bàn hai huyện An Biên và An Minh, có diện tích tự nhiên khoảng 99.000 ha, diện tích tôm-lúa năm 2018 khoảng 59.200 ha, là khu vực thuần nông và thấp trũng, phần lớn diện tích sản xuất mới khai phá

cách đây khoảng 50 năm. Từ đó đến nay, các cấp chính quyền và nhân dân tỉnh Kiên Giang đã đầu tư không nhỏ trong xây dựng hệ thống công trình thủy lợi phục vụ sản xuất như đào kênh dẫn nước tiêu úng, xổ phèn, đắp đê phòng chống thiên tai, xây dựng công và đập tạm góp phần ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân tuy nhiên, trước diễn biến phức tạp của hạn hán-xâm nhập mặn thì hệ thống hạ tầng giao thông, thủy lợi vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu chuyển đổi sản xuất nhằm kiểm soát hạn-mặn để phục vụ sản xuất.

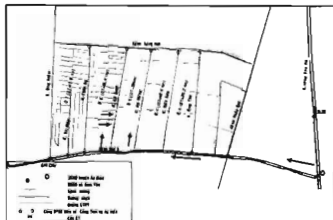


Hình 3: Bản đồ hành chính và hệ thống thủy lợi huyện An Biên, An Minh

2.2. Công trình thủy lợi-giao thông, kết cấu đồng ruộng phục vụ sản xuất tôm-lúa

Hệ thống công trình thủy lợi vùng hai huyện An Biên, An Minh về cơ bản là mạng lưới kênh rạch chưa được khép kín nối liền với sông, ngòi thông ra biển. Nguồn nước ngọt trong vùng chủ yếu từ lượng mưa tập trung tại vùng và một phần được lấy từ sông Hậu dẫn về qua các kênh nối sông Hậu với sông Cái Lớn - Cái Bé. Mùa khô, lượng mưa ở vùng chỉ chiếm khoảng 5% lượng mưa năm, vì thế, chưa đủ khả năng cấp ngọt và đẩy mặn nên tình hình hạn hán ở đây xảy ra rất trầm trọng. Ngay cả trong mùa mưa, tuy có lượng mưa lớn nhưng do không có công trình giữ nước nên

khi dứt mưa, mặn xâm nhập vào các kênh nội đồng, dẫn đến không có nước ngọt phục vụ canh tác. Tình trạng xâm nhập mặn luôn diễn ra nghiêm trọng thông qua sông Cái Lớn và các kênh nối ra biển Tây, vào các tháng mùa kiệt, hầu như toàn bộ diện tích vùng có độ mặn vượt 4g/lit.



Hình 4: Bản đồ hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng HTX Bào Trám, Huyện An Biên

Trong thời gian qua, đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi trong tỉnh nói chung và vùng hai huyện An Biên, An Minh nói riêng, chủ yếu tập trung vào việc cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh cấp 1, cấp 2 hiện có. Để giảm thiểu tác động của hạn-mặn, nhưng năm gần đây, Nhà nước bắt đầu triển khai xây dựng hệ thống các công kiểm soát mặn ven biển. Việc xây dựng, quản lý Hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng, theo phân cấp, thuộc trách nhiệm địa phương (cấp huyện, xã) và người dân hưởng lợi.

Trước đây, hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng được xây dựng chủ yếu phục vụ sản xuất lúa hai vụ. Việc chuyển đổi sang mô hình tôm-lúa đòi hỏi nhiều thay đổi trong cấu trúc đồng ruộng, hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng. Mặc dù người dân đã bỏ ra nhiều công sức và kinh phí để bổ sung, cải tạo đồng ruộng, hệ thống cơ sở hạ tầng nội đồng hiện nay vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu chủ động sản xuất.

Bảng 1: Hệ thống kênh và phân cấp quản lý vùng An Biên, An Minh

TT	Cấp kênh	Đơn vị quản lý khai thác
1	- Kênh cấp I (>5.000ha) - Kênh cấp II ranh huyện - Kênh cấp II liên huyện (Ví dụ: Kênh Xáng Xẻo Rô)	Chi Cục thủy lợi tỉnh Kiên Giang
2	- Kênh cấp II nội huyện - Kênh cấp III liên xã - Kênh cấp III nội xã (100-500ha) (Ví dụ: Kênh thứ 3)	Ủy ban nhân dân huyện (Phòng Nông nghiệp huyện)
3	- Kênh nội đồng (<100ha) (Ví dụ: Kênh Xáng mới, K. Ông Kiểm)	Ủy ban nhân dân xã (HTX/THT)



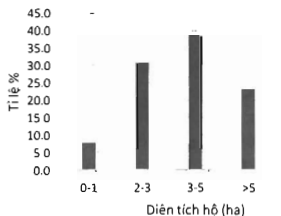
Hình 5: Hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng vùng sản xuất tôm-lúa

2.2. Sản xuất lúa-tôm

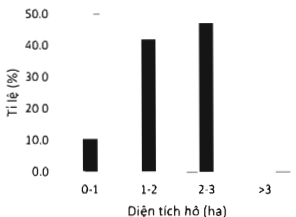
i) Quy mô diện tích, đầu tư, chi phí-lợi nhuận sản xuất

Mỗi hộ nông dân vùng An Biên, An Minh bình

quần có 1-2 thửa ruộng. Tổng diện tích bình quân của hộ tại HTX Bảo Trâm, huyện An Biên từ 2-5ha/hộ; tại HTX Thạnh An trung bình từ 1-3ha/hộ.



Hình 6: Quy mô diện tích hộ HTX Bảo Trâm, Huyện An Biên



Hình 7: Quy mô diện tích hộ HTX Thạnh An, Huyện. An Minh

Để thực hiện chuyển đổi từ canh tác 2 vụ lúa sang sản xuất một vụ tôm, một vụ lúa, người

dân tiến hành cải tạo ruộng lúa trước đây với chi phí ban đầu khoảng 10-12 tr.đ/ha (bảng 2)

Bảng 2: Chi phí ban đầu chuyển đổi sản xuất 2 vụ sang tôm-lúa

TT	Nội dung	Chi phí (tr.đ)
1	Làm bờ, đào mương (lạch) quanh ruộng (cho 1ha)	5-6
2	Lắp cống (cho 1 thửa)	4
3	Xử lý phèn, tàn dư thuốc BVTV ban đầu (cho 1ha)	1,4

Kết quả khảo sát về hiệu quả sản xuất tôm-lúa và sản xuất 2 vụ lúa tại HTX Thanh An, huyện An Minh và HTX Bào Trâm, huyện An Biên

cho thấy sản xuất tôm-lúa mang lại lợi nhuận 60-100 tr.đ/ha.năm, cao hơn so với canh tác 2 vụ lúa, khoảng 40 tr.đ/ha.năm (Bảng 3)

Bảng 3: Thống kê thu nhập-chi phí sản xuất tôm-lúa và 2 vụ lúa

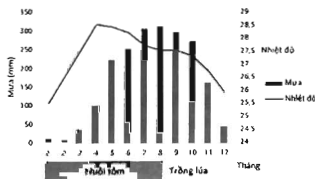
Tôm-lúa (tr.đ/ha)				2 vụ lúa (tr.đ/ha)	
Thu nhập từ lúa	40	Thu nhập từ tôm	50-90	Thu nhập từ lúa	34,5
Chi phí lúa	15	Chi phí tôm	15	Chi phí lúa	14,2
Lợi nhuận từ lúa	25	Lợi nhuận từ tôm	35-75	Lợi nhuận từ lúa	20,3
Lợi nhuận năm	60-100			Lợi nhuận năm	40,6

ii) Nuôi tôm, trồng lúa

Trong hệ thống canh tác tôm-lúa, sau khi nuôi một vụ tôm nông dân tiến hành trồng một vụ lúa. Khi đó chất thải hữu cơ dưới đáy ao, sau khi thu hoạch tôm, sẽ làm cho ruộng lúa màu mỡ, người trồng lúa chỉ bón một lượng phân nhỏ là đáp ứng nhu cầu phát triển của cây. Ngược lại, nuôi tôm sau vụ lúa thì nền đáy ao đã được khoáng hóa nên các chất độc hại giảm, hạn chế tình trạng vùng nuôi tôm bị lão hóa do đất bị ngập mặn lâu, đồng thời cắt phần mầm bệnh trong ao nuôi, môi trường ổn định, khi nuôi tôm không cần sử dụng nhiều thuốc, hóa chất, hạn chế chi phí sản xuất, lợi nhuận tăng cao.

Vào mùa khô, nước ngoài sông rạch mặn thì lấy vào nuôi tôm, khi mưa xuống, có nước ngọt thì đưa vào trồng lúa. Tôm sú là đối tượng được thả nuôi phổ biến, từ tháng 1 đến

tháng 8 hàng năm, sau khi kết thúc vụ lúa thì tiến hành cải tạo ao, thời gian cải tạo từ tháng 1- tháng 2, và thực hiện nuôi tôm từ tháng 3 đến tháng 8, sau khi thu hoạch tôm nông dân tiến hành rửa mặn, làm đất để chuẩn bị ruộng trồng lúa, thời gian từ tháng 9 đến cuối tháng 12 (Hình 7).



Hình 8: Lịch thời vụ sản xuất tôm-lúa

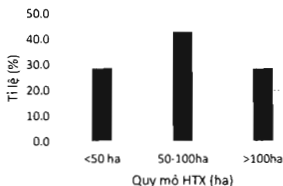
Tôm sú được nuôi trong vùng tôm-lúa thích ứng với độ mặn khá rộng nhưng thích hợp nhất là từ 5-15‰. Độ pH thích hợp là từ 7,5-9. Diện

tích ao nuôi tốt nhất từ 1-2 ha, hệ thống mương xung quanh có diện tích khoảng 25-30% diện tích ao nuôi, mương xung quanh có chiều rộng khoảng 2,5-3 m, chiều sâu 1-1,2m. Ruộng có cống cấp, thoát nước và ao ương, diện tích ao ương bằng 10-15% diện tích ao nuôi



Hình 9: Sơ đồ ruộng Tôm-lúa

Lúa trồng chủ yếu là các giống OM, ST, một bụi đồ... sau khi kết thúc vụ tôm, nông dân



Hình 10: Quy mô HTX tại An Biên

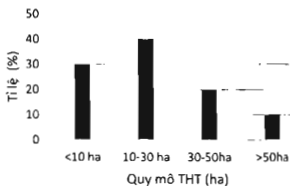
Liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản giữa nông hộ và doanh nghiệp ở An Biên, An Minh, tỉnh Kiên Giang nói riêng và vùng ĐBSCL nói chung còn rất hạn chế. Sản phẩm lúa trên ruộng 2 vụ lúa, chủ yếu được thu gom bởi thương lái. Sản phẩm lúa trên ruộng tôm-lúa, sản xuất lúa hầu như không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, có chất lượng cao, được thị trường tiêu thụ và doanh

tiến hành xẻ rãnh, đưa nước vào ruộng rửa mặn, sau đó tiến hành bừa và san phẳng mặt ruộng, khi độ mặn dưới 1‰ thì tiến hành sạ hoặc cấy. Lúa trên nền ruộng tôm ít sử dụng hóa chất, thuốc BVTV nên có chất lượng tốt, đảm bảo lúa sạch, giá trị kinh tế cao hơn ruộng lúa 2 vụ

3. TÓ CHỨC LIÊN KẾT SẢN XUẤT, TIÊU THỤ SẢN PHẨM TÔM-LÚA

i) Thực trạng liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm tôm-lúa

Cùng với sự chuyển dịch từ canh tác hai vụ lúa sang mô hình sản xuất tôm-lúa thì nhiều mô hình tổ chức liên kết sản xuất dưới dạng THT (chiếm đa số) hoặc HTX bắt đầu được hình thành để liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa với quy mô còn rất hạn chế. Tại huyện An Biên, An Minh quy mô diện tích hợp tác xã thường 50-100 ha, quy mô diện tích của tổ hợp tác 10-30 ha.

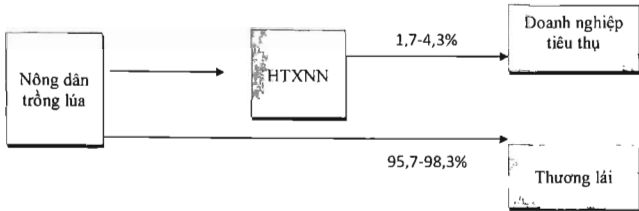


Hình 11: Quy mô THT tại An Biên

nh nghiệp quan tâm đến thực phẩm sạch nên việc tiêu thụ lúa gặp nhiều thuận lợi. Tuy vậy việc liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm lúa sạch với doanh nghiệp còn rất ít. Theo thống kê Phòng NN&PTNT, trên địa bàn huyện An Biên, năm 2018, việc ký kết hợp đồng giữa HTX/THT với các đơn vị tiêu thụ sản phẩm lúa chỉ đạt 570 ha/33.740ha (chiếm 1,7% diện tích lúa toàn huyện). Tại

huyện An Minh, diện tích doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm lúa năm 2018 đạt 972,7

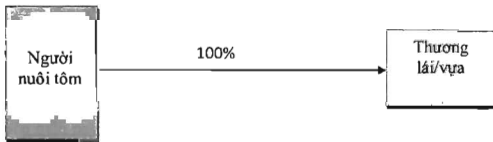
ha/22.823 ha (chiếm 4,3% diện tích lúa toàn huyện).



Hình 12: Kênh tiêu thụ sản phẩm lúa ở An Biên và An Minh

Do sản xuất tôm còn manh mún, chưa có liên kết sản xuất, sản lượng nhỏ, chưa hình thành được vùng nguyên liệu đảm bảo đáp ứng yêu

cầu doanh nghiệp nên 100% sản phẩm tôm được tiêu thụ thông qua thương lái.



Hình 13: Kênh tiêu thụ sản phẩm tôm 2 huyện An Biên và An Minh

ii) *Khó khăn trong liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tôm-lúa*

+ Do thiếu công trình điều tiết kiểm soát hạn-mặn khép kín hệ thống kênh rạch cấp thoát nước, hệ thống cơ sở hạ tầng thủy lợi từ đầu mối đến mặt ruộng chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất tôm-lúa.

+ Hệ thống giao thông nội đồng thường được kết hợp với các tuyến kênh cấp, thoát nội đồng có kích thước nhỏ hẹp, chưa đáp ứng điều kiện đưa máy móc thu hoạch lúa, dẫn đến người dân phải sử dụng cất tay chi phí cao hơn so với cất máy. Hơn nữa, doanh nghiệp tiêu thụ lúa cũng không nhận tiêu thụ lúa cất tay do lúa khi thu hoạch bị ngập nước, không đảm bảo chất lượng.

+ Số lượng doanh nghiệp nông nghiệp hiện chiếm tỷ trọng rất nhỏ, khoảng hơn 1%, trong tổng số các doanh nghiệp cả nước. Bên cạnh đó, có tới hơn 95% số doanh nghiệp nông nghiệp có quy mô nhỏ và vừa đang là thách thức lớn trong nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi sản phẩm nông nghiệp; trình độ áp dụng khoa học công nghệ của các doanh nghiệp nông nghiệp còn thấp, khả năng tiếp cận vốn vay của Nhà nước cũng hạn chế do đầu tư vào nông nghiệp gặp nhiều rủi ro.

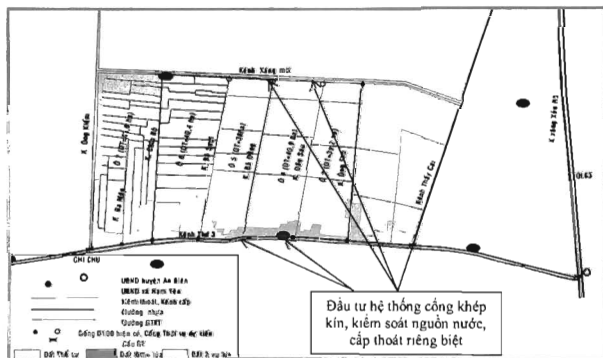
+ Mô hình sản xuất tôm-lúa chủ yếu có quy mô hộ, manh mún, nhỏ lẻ. Mặc dù địa phương đã có nhiều giải pháp, chủ trương đề đẩy mạnh

liên kết sản xuất giữa các hộ nông dân bằng việc xây dựng hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tôm lúa, nhưng quy mô của mô hình là nhỏ lẻ, trung bình 30-100ha, chưa đáp ứng yêu cầu vùng nguyên liệu nên việc liên kết tiêu thụ với doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn.

4. GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY KIẾN KẾT SẢN XUẤT, TIÊU THỤ SẢN PHẨM

i) Hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi

Vùng sản xuất tôm-lúa có hệ thống kênh, rạch liên thông với nhau chặt chẽ do thiếu công trình điều tiết nguồn nước, kiểm soát hạn-mặn, thông tin chất lượng nước nên việc sản xuất luôn bị động, phụ thuộc vào điều kiện thời tiết. Hoàn thiện hệ thống công trình điều tiết nước trên hệ thống đầu mối ven biển, ven sông, kênh cấp 1, 2 và kênh nội đồng song song với lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát chất lượng nước là giải pháp thủy lợi ưu tiên hiện nay trong vùng sản xuất tôm-lúa.



Hình 14: Giải pháp hoàn thiện hệ thống thủy lợi tại HTX Bào Trâm, huyện An Biên

Hỗ trợ đầu tư hệ thống điện để chuyển đổi bơm đầu nhỏ lẻ sang bơm điện giảm chi phí sản xuất, ước tính khoảng 40% chi phí so với bơm đầu, đồng thời là giải pháp thúc đẩy liên kết các hộ sản xuất.

ii) Hoàn thiện hệ thống đường giao thông nội đồng, đảm bảo máy nông nghiệp hoạt động

Giao thông nội đồng trong vùng chủ yếu là giao thông thủy, đường bộ không có kích thước nhỏ hẹp, khoảng 2,5-3m, gồ ghề, lồi lõm chưa đảm bảo để máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp hoạt động. Do vậy, cần mở rộng kích thước đường nội đồng theo tiêu chuẩn, bề ngang mặt

đường bờ lộ tối thiểu 3,5 m, đối với bờ vùng bề ngang mặt đường tối thiểu 6,5 m đảm bảo máy móc nông nghiệp gặt hoạt động hiệu quả.

iii) Cơ chế chính sách để doanh nghiệp tiếp cận vốn vay tín chấp

Trong chuỗi liên kết tôm-lúa, doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng, quyết định tới sự thành công của chuỗi. Tuy nhiên hiện nay, doanh nghiệp sản xuất cũng như ngân hàng đang ngại đầu tư vào lĩnh vực này vì tính rủi ro lớn do phụ thuộc vào thị trường, thời tiết, chi phí sản xuất lớn, ảnh hưởng tới sức cạnh tranh của sản phẩm.

Trong những năm gần đây, cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp của nước ta liên tục được bổ sung, hoàn thiện, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút đầu tư, phát triển kinh tế nông nghiệp. Các chính sách tập trung vào ưu đãi về sử dụng, thuê đất đai, mặt bằng kinh doanh, ưu đãi về thuế, hỗ trợ tín dụng, đào tạo lao động, phát triển thị trường, đầu tư cơ sở hạ tầng, ưu tiên hỗ trợ một số dự án đầu tư vào nông nghiệp nhất là các dự án về liên kết, chế biến sâu, ứng dụng khoa học công nghệ cao. Tuy vậy, vẫn còn rất nhiều rào cản về mặt thủ tục, nguồn vốn hỗ trợ, chưa đáp ứng cũng như chưa đủ khuyến khích doanh nghiệp. Do đó, Nhà nước cần mạnh dạn tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận được nguồn vốn hỗ trợ, thực hiện được quy trình sản xuất do doanh nghiệp đề ra, ứng vật tư, phân bón, hỗ trợ cho bà con nông dân yên tâm sản xuất

iv) Hỗ trợ nông dân mở rộng liên kết ngang dù lớn đảm bảo vùng nguyên liệu để doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm

Sản xuất nông nghiệp hiện nay của vùng tômlúa chủ yếu quy mô nông hộ, nhỏ lẻ, phân tán, sản xuất mang tính tự phát, manh ai nấy làm, chưa tạo được vùng sản xuất tập trung, dòng sản phẩm đủ lớn, ổn định. Trong khi để có thể cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường, cần phải có sản phẩm khối lượng lớn, chất lượng cao, giao hàng đúng lúc, giá cả cạnh tranh, là điều nông dân cá thể không làm được mà cần phải liên kết thành một tập thể đủ lớn (tổ hợp tác, hợp tác xã) liên kết với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Quy mô hiện nay của các hợp tác xã trong vùng sản xuất tômlúa khoảng 50-100 ha, quy mô diện tích của tổ hợp tác 10-30 ha. Với quy mô này, đối với tiêu thụ lúa, thu hoạch đồng loạt nên doanh nghiệp dễ dàng trong việc bao tiêu cho các hợp tác xã và tổ hợp tác. Tuy nhiên, việc thu hoạch tômlại được chia thành

không đợt, bình quân 1 vụ tômlừ 9-10 đợt thu, mỗi đợt thu kéo dài 4-5 ngày, năng suất bình quân một đợt khoảng 50-60kg/ha. Một container lạnh 24-30 tấn cần tối thiểu 500-600 ha ao nuôi cùng lịch xuống giống và thu hoạch. Do vậy, các HTX/THT muốn liên kết doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm tômlừ cần phải mở rộng quy mô diện tích phục vụ, kết nạp thêm thành viên HTX/THT. Một trong các giải pháp hiện nay, như phần trên đã đề cập, là hỗ trợ đường điện, chuyển đổi bơm dầu nhỏ lẻ sang bơm điện tập trung, khuyến khích nông dân tham gia liên kết sản xuất.

5. KẾT LUẬN

Dưới tác động của hạn hán, xâm nhập mặn, việc chuyển đổi sản xuất hai vụ lúa sang mô hình tômlừ vùng ven biển Tây ĐBSCL đang diễn ra nhanh chóng. Tuy nhiên, với hệ thống hạ tầng giao thông nội đồng kích thước nhỏ hẹp, chưa được đảm bảo để máy móc nông nghiệp hoạt động, Hệ thống thủy lợi chưa khép kín, thiếu công trình điều tiết kiểm soát hạn-mặn, quy mô sản xuất hộ nhỏ lẻ, manh mún, thiếu liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm, khó tiếp cận thị trường tiêu thụ đang là những trở ngại đối với sản xuất, đời sống nông dân trong vùng.

Để hỗ trợ sản xuất, tăng cường liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa nông hộ với nông hộ, giữa hộ sản xuất với doanh nghiệp, cần triển khai thực hiện việc hoàn thiện hệ thống giao thông nội đồng tạo điều kiện máy móc nông nghiệp hoạt động, đầu tư hạ tầng thủy lợi đảm bảo chủ động cấp thoát nước phục vụ sản xuất tômlừ, đồng thời khuyến khích nông dân liên kết sản xuất trên quy mô lớn, song song với triển khai triệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất để doanh nghiệp tiếp cận được nguồn vốn vay, vốn hỗ trợ, thực hiện được quy trình sản xuất do doanh nghiệp đề ra, ứng vật tư, phân bón, hỗ trợ cho bà con nông dân yên tâm sản xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Báo cáo Rà soát, điều chỉnh quy hoạch nông nghiệp nông thôn gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030
- [2] Báo cáo tổng kết ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2018 huyện An Biên và huyện An Minh
- [3] Cục Kinh tế hợp tác, 2016, Tài liệu hướng dẫn thành lập liên kết nông dân trong chuỗi giá trị
- [4] Lê Xuân Sinh và nnc, 2011, Phân tích chuỗi giá trị tôm sú ở đồng bằng sông Cửu Long
- [5] Nguyễn Phú Sơn, 2013, Mô hình liên kết “4 nhà trong sản xuất và tiêu thụ lúa gạo tại xã Định Hóa, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang
- [6] Tô Phạm Thị Hạ Vân và Trương Hoàng Minh, 2014, Phân tích chuỗi giá trị tôm sú sinh thái ở tỉnh Cà Mau
- [7] Viện Quản lý và Phát triển Châu Á, 2016, Báo cáo hiện trạng phát triển tôm-lúa vùng Đồng bằng sông Cửu Long.